TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2022/HSPT
Ngày: 22 - 3 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Văn Năm**
Các Thẩm phán:
1/ Bà **Nguyễn Thị Tư**
2/ Ông **Lê Nguyên Khoa**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Dương Thị Thu Nguyệt** – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa*: bà **Nguyễn Thị Hồng Châu** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2022/HSPT ngày 25/01/2022 đối với bị cáo Võ Văn N. Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 78/2021/HSST ngày 15/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện L.

Bị cáo có kháng cáo:

Bị cáo **Võ Văn N (tên gọi khác: M),** sinh năm 1997; tại huyện L, tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú: ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; cha Võ Văn D, mẹ: không rõ; Tiền án: không; Tiền sự: Ngày 22/01/2019 Công an xã Đ, huyện L xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chưa nộp phạt

Nhân thân: Ngày 22/9/2017 bị Tòa án nhân dân huyện L ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Thời gian chấp hành tại cơ sở cai nghiện bắt buộc là 12 tháng. Chấp hành xong ngày 17/12/2018; Ngày 17/8/2019 Công an xã A, huyện L xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản. Đã nộp phạt ngày 28/8/2019; Ngày 21/10/2019 bị Tòa án nhân dân huyện L ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý

hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Thời gian chấp hành tại cơ sở cai nghiện bắt buộc là 18 tháng. Chấp hành xong ngày 30/4/2021.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 20/8/2021 đến nay, có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Hoàng Quốc T quê quán ở thôn H, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình. Anh T thuê phòng trọ của bà Nguyễn Thị T, địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long để ở. Trưa ngày 18/8/2021 sau khi ngủ trưa thức dậy anh T phát hiện mất chiếc điện thoại hiệu Iphone 7 plus và số tiền 1.400.000đồng. Anh T xác định trước khi ngủ trưa anh còn sử dụng điện thoại trên sau đó anh quay mặt vào trong để ngủ, chiếc điện thoại vẫn nằm phía sau lưng anh. Chiếc ví (bóp) vẫn để trong túi quần máng lên móc quần áo, khi thức giấc anh phát hiện chiếc ví nằm trên sàn nhà, số tiền bên trong đã mất. Qua điều tra xác minh, trích xuất hình ảnh camera của nhà trọ đã phát hiện Võ Văn N là người vào phòng của anh T.

Lời trình bày của bị cáo N: Bị cáo chỉ đi tìm người bạn tên X để rủ X đi uống cafe, người chở bị cáo đi là Trần Văn K nhưng K đứng bên ngoài chờ, khi vào khu nhà trọ bị cáo vào phòng của anh T định hỏi thăm nơi ở của X, khi thấy anh T ngủ bị cáo không hỏi và quay ra về. Trước khi vào phòng số 20 bị cáo có nhặt một chiếc điện thoại, sau đó bị cáo nhờ K cầm dùm. K có giới thiệu một người cầm điện thoại và đưa cho bị cáo 700.000đồng. Khi đi tìm xịt trong người bị cáo không có tiền

Lời trình bày của K: Tôi đi đòi tiền N nợ tôi 400.000đồng, gặp N, N nói đi xuống Thằng em lấy tiền, tôi chở N đến một nhà trọ ở xã T, tôi chờ N vào trong, một lúc sau N đi ra trên tay có cầm một điện thoại và nói với tôi mới lấy của Thằng em. Sau đó về nơi N ở và tôi về nhà, tôi không biết N xử lý như thế nào đối với chiếc điện thoại. Sau đó công an mời, tôi biết được là N bán cho H nên tôi chuộc lại và giao nộp công an vì tôi sợ liên lụy. Tôi không yêu cầu N hoàn trả số tiền tôi đã bỏ ra để chuộc điện thoại còn 400.000đồng nợ tôi đến nay N vẫn chưa trả.

Lời khai của bà Nguyễn Thị T: Tôi cho thuê nhà trọ, phòng số 20 là của anh T thuê. Từ trước đến nay tôi không có cho ai tên X thuê nhà trọ cả.

Lời khai của anh Nguyễn Hoàng H: Khoảng 16 giờ ngày 18/8/2021 N điện thoại cho tôi nói cần bán 01 điện thoại sau đó mối đến gặp tôi sau khi xem điện thoại N bán 1.000.000đồng, tôi có hỏi điện thoại ở đâu ? Mối nói của N nên tôi

đồng ý mua.

Lời khai của anh Nguyễn Thành D: Tôi ở cùng nhà trọ với T, khoảng 12 giờ 16 phút ngày 18/8/2021 tôi có đi ngang phòng số 20 để ra ngoài ăn cơm. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày tôi đi vào cũng đi ngang qua phòng số 20 tôi không phát hiện điện thoại nằm trên đường tôi ra vào.

Lời khai của Nguyễn Ngọc Y: Khoảng 15 giờ ngày 18/8/2021 N có đưa tôi 400.000đồng sau đó N đi đến khoảng 20, 21 giờ mới về. Ngày 19/8/2021 N đưa tôi 300.000đồng. Tôi hỏi thì Nnói tiền chơi game có được.

Kết luận định giá tài sản số 33/KL-HĐĐGTS ngày 20/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus, màu hồng của anh Hoàng Quốc T trị giá: 4.200.000đ (bốn triệu hai trăm nghìn đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản mất trộm 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus đã được thu hồi trả cho bị hại. Bị hại yêu cầu bị cáo trả số tiền 1.400.000đồng mà bị cáo đã lấy của bị hại, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Tại bản án sơ thẩm số: 78/2021/HSST ngày 15/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định tuyên bố bị cáo Võ Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Văn N 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/8/2021.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20/12/2021, bị cáo Võ Văn N có đơn kháng cáo với nội dung: xem xét lại bản án sơ thẩm vì bị cáo bị oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo N trình bày: bị cáo không đồng ý với quyết định của Tòa án nhân dân huyện L, bị cáo không có trộm điện thoại của anh T. Bị cáo có lượm điện thoại rồi đem đi bán. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

Kiểm sát viên nêu quan điểm giải quyết vụ án: sau khi phân tích hành vi phạm tội, nguyên nhân, hậu quả mà bị cáo đã gây ra; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Đề nghị khoản 1 Điều 173; điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Văn N 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Bị cáo N phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo, bị cáo bị oan.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo đảm bảo hình thức và thời hạn, đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Võ Văn N giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xơ sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo N không thừa nhận hành vi phạm tội. Tuy nhiên trên cơ sở từ các lời khai của bị hại (Bút lục từ 77 đến 82), lời khai người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Hoàng H (Bút lục từ 95 đến 100), lời khai người làm chứng Trần Văn K (Bút lục từ 83 đến 94), lời khai bà Nguyễn Thị T (Bút lục từ 101 đến 104), lời khai anh Nguyễn Thành D (Bút lục từ 105 đến 112) lời khai chị Nguyễn Ngọc Y (Bút lục từ 113 đến 114), kết quả trích xuất camera và các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để xác định: vào khoảng 13 giờ ngày 18/8/2021, Võ Văn N có hành vi lén lút vào phòng trọ của anh Hoàng Quốc T thuê ở tại ấp T, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long lấy trộm một chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7plus trị giá 4.200.000đ và số tiền 1.400.000đ.

Do đó, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Võ Văn N phạm vào tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, đồng thời ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bản thân bị cáo là thanh niên, có sức khỏe và nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ vụ lợi cho bản thân dẫn đến việc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo thể hiện sự xem thường tài sản của người khác và xem thường sự trừng phạt của pháp luật. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo lại chối tội, không thật thà khai báo. Vì vậy, đối với bị cáo cần phải xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm về hành vi của bị cáo, nhằm giáo dục riêng bị cáo trở thành công dân hữu ích và phòng ngừa chung trong xã hội.

Xét án sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ khách quan của vụ án, xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, mức án đối với bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo là có cơ sở để chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Văn N. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 78/2021/HSST ngày 15/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện L.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Võ Văn N 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù** về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 20/8/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo N hoàn trả cho bị hại Hoàng Quốc T số tiền 1.400.000 đồng *(Một triệu bốn trăm nghìn đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3.Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Võ Văn N phải nộp 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC: 01;
- TANDCC: 01;
- VKSTC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKSND TVL: 01;
- TAND +VKSND HLH: 02;
- CQTHADS HLH: 01;
- CQTHAHS HLH: 01;
- Trại giam:01; BC: 01;
- P.HỒ SƠ-CAVL: 01
- STP: 01,
- UBND xã Đ: 01;
- TNV+P KTNV:02;
- Lưu: 04 .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lâm Văn Năm